| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2147 /QĐ-UBND | *Đắk Lắk, ngày 26 tháng 9 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác sét sản xuất gạch tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk"**

## CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ "Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường";*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường";*

*Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh "Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh";*

*Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk "Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản sét sản xuất gạch tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk";*

*Xét Công văn số 1680/STNMT-MT ngày 17/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường "Về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác sét sản xuất gạch tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk"; Ý kiến thẩm định của Ủy viên Hội đồng (Đại diện Sở Tài chính) đối với nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại Bản nhận xét đề ngày 12/8/2022; và Văn bản số 16/HM ngày 30/8/2022 của Công ty TNHH Hải My "V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác sét sản xuất gạch tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk";*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 251/TTr-STNMT ngày 09/ 9 /2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác sét sản xuất gạch tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hải My (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành./.

***Nơi nhận:***
- Tổng cục Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Ana;
- Công ty TNHH Hải My (Đ/c: Tổ 3, Khối 2, thị trấn Buôn Trấp, huyện Kr Ana, Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT ( H. 07b)

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Giang Gry Niê Knơng**

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC SÉT SẢN XUẤT GẠCH TẠI BUÔN SAH, XÃ EA BÔNG, HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK"

(*Kèm theo Quyết định số* 2147*/QĐ-UBND ngày* 26 *tháng 9 năm 2022 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk*)

## 1. Thông tin về Dự án

### 1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác sét sản xuất gạch tại buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Địa điểm thực hiện dự án: buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hải My.

- Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, Khối 2, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Vị trí địa lý: Ranh giới Dự án được giới hạn bởi các điểm khép góc từ M1 đến M9 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $180^0 30'$, múi chiếu $3^0$ như sau:

| Điểm góc | Hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục $180^o 30'$, múi chiếu $3^o$ | |
|---|---|---|
| | X (m) | Y (m) |
| M1 | 1383619,77 | 452565,67 |
| M2 | 1383633,93 | 452594,22 |
| M3 | 1383660,18 | 452848,38 |
| M4 | 1383572,76 | 452883,98 |
| M5 | 1383560,76 | 452847,54 |
| M6 | 1383537,17 | 452849,52 |
| M7 | 1383476,92 | 452753,76 |
| M8 | 1383554,28 | 452750,45 |
| M9 | 1383463,24 | 452645,39 |

### 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích đất dự kiến thực hiện Dự án là 3.800 $m^2$; Bao gồm: diện tích khai trường khai thác sét là 37.210 $m^2$, diện tích bờ bao bảo vệ mỏ là 790 $m^2$ (lắp đặt nhà bảo vệ diện tích 14 $m^2$ và trạm cân 40 tấn diện tích 20$m^2$ trên diện tích bờ bao bảo vệ mỏ, tại khu vực cổng ra vào của mỏ).

- Công suất khai thác: 16.000 $m^3$ sét nguyên khối/năm.

### 1.3. Công nghệ sản suất

- Áp dụng công nghệ khai thác mỏ lộ thiên, gồm: Bóc tầng đất phủ (tầng thổ nhưỡng dày khoảng 0,22m) → Xúc bốc tầng sét tại gương khai thác bằng máy xúc loại 1,2 $m^3$/gầu → vận chuyển về nhà máy sản xuất gạch của Công ty bằng ô tô (loại 15 tấn) → tiêu thụ (sản xuất gạch tại nhà máy).

- Thời gian tồn tại của dự án: 08 năm; Bao gồm: Thời gian khai thác và thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (sau khi kết thúc khai thác từng năm sẽ tiến hành ngay việc san gạt lớp thổ nhưỡng xuống đáy moong khai thác, phục hồi môi trường để trồng lúa nước).

**1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

*1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án*

*a) Các hạng mục công trình chính và công trình phụ trợ*

- Khai trường mỏ (Moong khai thác): Diện tích 37.210 $m^2$.

- Bờ bao bảo vệ mỏ: Diện tích 790 $m^2$.

- Khu vực phụ trợ: Trạm cân 40 tấn (diện tích 20 $m^2$) và Nhà bảo vệ bằng Container 20 feet (diện tích 14 $m^2$). Lắp đặt trạm cân và nhà bảo vệ trên diện tích bờ bao bảo vệ mỏ, tại khu vực cổng ra vào của mỏ.

- Bãi thải tạm: 400 $m^2$ (tại phần diện tích chưa khai thác, nằm trong ranh mỏ ở khoảnh khai thác của năm tiếp theo).

- Đường tạm: Xây dựng tuyến đường vận chuyển nội mỏ (dài 30m, rộng nền đường 7m, chiều rộng làn xe chạy 5m), có thiết kế rãnh thoát nước (rộng 0,7m sâu 0,5m).

- Đường vận tải ngoài mỏ: Đường đất cấp phối hiện có (dài 8m, rộng 6m) kết nối ra tới đường bê tông (dài 700m, rộng 5m) và đường đất sỏi nối từ đường bê tông về nhà máy sản xuất gạch của Công ty TNHH Hải My (dài 800m, rộng 6m).

*b) Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:*

- Các công trình được sử dụng chung với nhà máy sản xuất gạch của Công ty TNHH Hải My (trước đây tên gọi là cơ sở sản xuất gạch Quyết Thắng) cách ranh mỏ khoảng 1,5 km về phía Tây, bao gồm:

+ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 01 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích chứa 15 $m^3$);

+ Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại (diện tích 20 $m^2$).

+ Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt thông thường (diện tích khoảng 4$m^2$).

*Nhà máy sản xuất gạch của Công ty TNHH Hải My đã được UBND huyện Krông Ana xác nhận bản Cam kết bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 03/UBND-XNMT ngày 02/01/2008.*

- Các công trình tại khu vực moong khai thác:

+ Đê bao xung quanh ranh mỏ để ngăn nước mưa chảy tràn vào mỏ (kích thước: cao 0,5m; rộng 0,5m; rộng đáy 1,5m).

+ Hố thu nước (01 hố, kích thước: 10m x 10m x 2m, dung tích 200$m^3$),

+ Rãnh thoát nước ở chân tầng khai thác để thoát nước mưa chảy tràn về hố thu nước (01 cái, kích thước: 0,7m x 0,4m x 0,4m, dài 100m).

+ Thùng chứa có nắp đậy để thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt (02 thùng loại 120 lít).

+ Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác: trồng cỏ phủ xanh dọc theo ranh bờ bao bảo vệ mỏ dài khoảng 288m, chiều rộng khoảng 2m (trồng kiểu mắt cáo, khoảng cách giữa các vầng cỏ không quá 15cm).

*1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:*

Hoạt động khai thác sét gồm: Bóc tầng đất phủ, xúc bốc tầng sét và vận chuyển về Nhà máy sản xuất gạch của công ty để tiêu thụ. (Dự án không có hoạt động thi công xây dựng, hoạt động sinh hoạt của công nhân được thực hiện tại nhà máy sản xuất gạch của công ty).

**1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Dự án được thực hiện trên phạm vi diện tích đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 82/GP-UBND ngày 02/10/2020 và được phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh. Trong phạm vi bán kính 1.000 m từ khu vực khai thác không có công trình có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Dự án không có hoạt động thi công, xây dựng cơ bản mỏ. Do đó, các tác động môi trường chính của Dự án được đánh giá đồng thời trong giai đoạn vận hành Dự án (gồm các hoạt động: Bóc tầng đất phủ, xúc bốc tầng sét và vận chuyển về Nhà máy sản xuất gạch của công ty để tiêu thụ), cụ thể:

+ Nguồn tác động có liên quan đến chất thải: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, bụi, khí thải.

+ Nguồn tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, tác động đến cộng đồng dân cư, kinh tế-xã hội của địa phương; Phát sinh các rủi ro, sự cố môi trường.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án.**

**3.1. Nước thải, khí thải**

*3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải*

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn vào khu vực mỏ ước tính lớn nhất khoảng 786 $m^3$/ngày, trung bình khoảng 23,7 $m^3$/ngày. Thành phần chủ yếu TSS, COD, dầu mỡ …

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của 02 công nhân của Dự án với lưu lượng khoảng 0,24 $m^3$/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là TSS, $BOD_5$, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Coliform …

*3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải*

- Phát sinh từ hoạt động hoạt động của phương tiện vận chuyển ra vào Dự án; hoạt động khai thác bóc tầng đất phủ và khai thác sét… Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NOx, $SO_2$,VOCs…

**3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 02 công nhân tại dự án với khối lượng khoảng 1,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa…

- Chất thải rắn thông thường (Đất phủ): Khối lượng phát sinh khoảng 950 $m^3$/năm (từ năm thứ 1 đến năm thứ 7) và khoảng 465 $m^3$ (năm thứ 8).

- Chất thải nguy hại: Khoảng 80kg/năm phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu mỡ và bao bì cứng thải bằng nhựa.

**3.3. Tiếng ồn, độ rung**

- Phát sinh từ hoạt động san gạt đất phủ, hoạt động khai thác sét (xúc, bốc lớp sét), hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án.

**3.4. Các tác động khác**

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án.

+ Tác động đến chế độ thủy văn khu vực (gây ngập úng, ảnh hưởng đến lưu lượng và chất lượng nước của nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông).

+ Tác động do rủi ro, sự cố như sạt lở, sụt lún moong khai thác, tai nạn lao động…

+ Tác động đến tình hình an ninh, trật tự, kinh tế-xã hội địa phương.

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

**4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

*4.1.1. Các công trình thu gom, thoát nước mưa và nước thải*

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác: Xung quanh moong khai thác thiết kế đê bao (kích thước: cao 0,5m; rộng mặt 0,5m; rộng đáy 1,5m) để ngăn nước mưa chảy tràn vào mỏ.

- Quy trình thu gom nước mưa chảy tràn vào mỏ: Nước mưa → Rãnh thoát nước ở chân tầng khai thác (kích thước 0,7x 0,4 x 0,4m ) → Hố thu (kích thước 10 x 10 x 2m, dung tích chứa 200$m^3$, vị trí hố thu thay đổi theo diện tích mở rộng khai trường) → Ao nước phía Tây dự án → Nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông.

+ Định kỳ nạo vét rãnh thoát nước, hố thu, ao nước phía Tây dự án, nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông với tần suất 1 năm/lần.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, hệ số $K_q$ = 0,9; $K_f$ = 1,1) trước khi thải ra nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông.

- Nước thải sinh hoạt: Công nhân chỉ làm việc tại moong khai thác còn các hoạt động ăn uống, vệ sinh được thực hiện tại Nhà máy sản xuất gạch của Công ty. Do vậy, toàn bộ nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 15 $m^3$) tại nhà máy, định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 6 tháng/lần.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường và đáp

ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải*

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt kín để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu hoặc phát tán chất thải ra môi trường; chở đúng tải trọng quy định.

+ Thường xuyên duy tu, sửa chữa các tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ (tổng chiều dài tuyến là 1.508 m) để đảm bảo an toàn và giảm thiểu lớp bụi bề mặt phát tán vào không khí.

+ Sử dụng xe bồn chứa nước (bồn chứa 10m$^3$) để phun nước định kỳ để giảm thiểu bụi dọc tuyến đường nội mỏ và tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ (tần suất tưới từ 2-4 lần/ngày).

+ Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác: trồng cỏ phủ xanh dọc theo ranh bờ bao bảo vệ mỏ dài khoảng 288m, chiều rộng khoảng 2m (trồng kiểu mắt cáo, khoảng cách giữa các vầng cỏ không quá 15cm); thời gian bắt đầu trồng từ năm thứ nhất.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 04:2009/BCT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn).

**4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

*4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án được thu gom vào 02 thùng chứa có nắp đậy (Loại 120 lít) đặt tại cổng ra vào của mỏ; Cuối mỗi ngày công nhân Dự án sẽ vận chuyển lượng chất thải này về khu vực thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt (diện tích khoảng 4 m$^2$) tại Nhà máy sản xuất gạch của Công ty TNHH Hải My; Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải có nguồn gốc hữu cơ: Hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường tại địa phương để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương.

- Chất thải rắn thông thường: Khối lượng đất phủ (khoảng 7.115m$^3$) được lưu chứa tại bãi thải tạm (diện tích 400m$^2$, nằm trong ranh mỏ tại khoảnh khai thác

của năm kế tiếp) để sử dụng trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường của dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án; tuân thủ các quy định về quản lý chất thải tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải, đảm bảo việc đổ thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

*4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại*

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án được công nhân thu gom, đưa về lưu chứa tạm thời tại kho lưu chứa chất thải nguy hại (Diện tích khoảng 20m$^2$) của Nhà máy sản xuất gạch của Công ty TNHH Hải My; Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

**4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị, máy móc và phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Bố trí thời gian hoạt động của máy móc, thiết bị phù hợp, hạn chế sử dụng các máy móc, thiết bị gây ồn lớn trong cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng từ tiếng ồn, độ rung tới sức khỏe công nhân.

- Trồng và duy trì cây xanh xung quanh khu vực khai thác và tuyến đường vận chuyển.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

**4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

*4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường*

*a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường*

- Khai trường khai thác: Sử dụng lớp thổ nhưỡng (đất phủ) để hoàn thổ và san gạt bằng phẳng đáy moong khai thác ở cote +420m để cho người dân trồng lúa nước (thực hiện theo tiến độ khai thác và liên tục trong suốt thời gian khai thác của

mỏ); Củng cố bờ moong khai thác để đảm bảo an toàn (dọc theo các mốc M1-M2-M3-M4); Đắp đê bao (chiều dài 395m) để ngăn nước mưa chảy tràn vào mỏ; Trồng cỏ phủ xanh dọc theo ranh bờ bao bảo vệ mỏ; Lắp đặt hàng rào, biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm.

- Khu vực phụ trợ: Tháo dỡ các hạng mục công trình (trạm cân, nhà bảo vệ), san gạt mặt bằng, vận chuyển sau tháo dỡ.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Tu sửa 03 tuyến đường vận chuyển từ khu vực khai thác về nhà máy sản xuất gạch của Công ty.

- Nạo vét nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông để khơi thông dòng chảy chung cho khu vực.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khác như đã nêu trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự an. Việc thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án phải phù hợp với quy hoạch của địa phương.

**Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường**

| STT | Công việc | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|---|
| **I** | **Cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình khai thác** | | |
| **1** | Xây dựng tuyến hàng rào dây thép gai và biển báo dọc theo mốc M1-M2-M3-M4 | | |
| 1.1 | Xây dựng tuyến hàng rào | m | 395 |
| 1.2 | Lắp đặt biển báo | cái | 4 |
| **2** | Đắp đê bao quanh mỏ ngăn nước mặt chảy vào | $m^3$ | 395 |
| **3** | Trồng cỏ phủ xanh bờ bao bảo vệ mỏ phía Bắc đoạn từ mốc M1-M2-M3 | $m^2$ | 576 |
| **4** | San gạt đáy khai trường, tạo lớp đất phủ trồng lúa trong giai đoạn khai thác (từ năm thứ 1 -7) | $m^3$ | 7.260 |
| **II** | **Cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác** | | |
| **1** | **Khai trường khai thác** | | |
| 1.1 | Củng cố bờ moong khai thác | $m^3$ | 156,8 |
| 1.2 | Trồng cỏ phủ xanh bờ bao bảo vệ mỏ phía Đông đoạn từ mốc M3-M4 | $m^2$ | 214 |
| 1.3 | San gạt đáy khai trường, tạo lớp đất phủ để trồng lúa sau khi kết thúc khai thác (năm thứ 8) | $m^3$ | 440 |
| **2** | **Khu vực phụ trợ** | | |
| 2.1 | Tháo dỡ trạm cân | Tấn | 4 |
| 2.2 | Tháo dỡ nhà bảo vệ | Tấn | 3 |
| 2.3 | Vận chuyển thiết bị ra khỏi mỏ | ca | 2 |
| **3** | **Cải tạo khu vực xung quanh** | | |
| 3.1 | Cải tạo, duy tu đường đất cấp phối (01 đoạn từ mỏ ra đường bê tông và 01 đoạn từ đường bê tông về nhà máy sản xuất gạch của Công ty) | m | 808 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Diện tích thực hiện | $m^2$ | 4.848 |
| 3.2 | Cải tạo, duy tu mặt đường bê tông | m | 140 |
| | Diện tích thực hiện | $m^2$ | 700 |
| 3.3 | Nạo vét nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông | $m^3$ | 500 |
| **III** | **Công tác bổ sung khác** | | |
| 1 | Xử lý chất thải rắn | Tấn | 3 |
| 2 | Đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác | Bản đồ | 1 |

*b) Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ*

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (Chưa tính đến yếu tố trượt giá,sau khi làm tròn) là: **533.998.000 đồng** *(Năm trăm ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn).*

- Phương thức ký quỹ:

+ Số lần ký quỹ: 8 lần (Tính cho thời hạn tồn tại của Dự án là 8 năm).

+ **Số tiền ký quỹ lần đầu:** 133.499.500 đồng (25% tổng số tiền ký quỹ).

**+ Số tiền ký quỹ hằng năm (từ lần thứ 2 đến lần thứ 8):** 57.214.071 đồng (Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022).

Chủ dự án nộp số tiền ký quỹ hàng năm (từ lần thứ 2 đến lần thứ 8) phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hằng năm nêu trên nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho đơn vị nhận ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk hoặc các đơn vị khác có chức năng theo quy định pháp luật.

- Nơi tiếp nhận tiền ký quỹ có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của khoản tiền ký quỹ và cấp giấy xác nhận đã ký quỹ cho Chủ dự án theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện. Sau mỗi đợt ký quỹ, Chủ dự án phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

+ Ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi: Trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong phương án đã phê duyệt, Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

*4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*

- Thực hiện đắp đê bao xung quanh ranh mỏ (cao 0,5m, rộng mặt 0,5m, rộng đáy 1,5m) để ngăn nước mưa chảy tràn vào moong khai thác gây ngập úng; Bố trí rãnh thoát nước ở chân tầng khai thác để thoát nước mưa trong moong về hố thu nước trước khi dẫn chảy ra ao nước phía Tây dự án.

- Định kỳ nạo vét hố thu, ao nước và nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông (tần suất 1 lần/năm) để lưu thông dòng chảy tự nhiên.

- Tuân thủ đúng phương án khai thác đã được phê duyệt; thường xuyên giám sát, gia cố góc dốc bờ moong khai thác với tần suất 6 tháng/lần; quá trình khai thác phải đảm bảo tuân thủ QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Lắp đặt các biển báo, cảnh báo khu vực đang khai thác, tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường giao thông và đường vào mỏ.

- Lập kế hoạch và đảm bảo đầy đủ các phương tiện cần thiết để phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố cháy nổ, chập điện, tai nạn lao động… trong quá trình vận hành dự án.

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động để nâng cao ý thức, trách nhiệm cho công nhân.

**5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư**

*5.1. Giám sát chất lượng không khí*

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần (Giám sát trong điều kiện Dự án đang hoạt động).

- Vị trí: 02 điểm (01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động khai thác (cuối hướng gió, cách khu vực khai thác khoảng 30m); 01 điểm tại tuyến đường vận tải ngoài mỏ (từ biên mỏ đến nhà máy sản xuất gạch của Công ty).

- Thông số: Tiếng ồn, độ rung, Bụi, CO, $SO_2$, $NO_2$.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

*5.2. Giám sát nước thải (nước tháo khô moong khai thác)*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm (tại hố thu nước và vị trí cửa xả nước thải từ dự án ra nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, $BOD_5$; COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B ($k_q$ = 0,9; $k_f$ = 1,1).

*5.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, khu vực bãi thải.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

*5.4. Giám sát chất thải nguy hại*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

*5.5. Giám sát nước mặt*

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (tại nhánh suối của suối Ea Bông, cách vị trí xả thải 50m về phía hạ nguồn).

- Thông số quan trắc: pH, $BOD_5$, COD, DO, TSS, Amoni, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

*5.6. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ xảy ra sự cố do sụt lún, sạt lở đất, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác xảy ra; việc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn điện. .

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

**6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản; Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án; Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án; đền bù thiệt hại đối với các công trình bị hư hại do hoạt động của dự án gây ra.

6.4. Khoanh định hành lang thi công, ranh giới chiếm dụng đất của Dự án; Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, công suất, trữ lượng và thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

6.5. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án; Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về môi trường và an toàn trong khai thác lộ thiên, quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động Dự án; Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, sự cố sụt lún, sạt lở đất; đảm bảo an toàn đối với người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

6.6. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và đưa vào vận hành các công trình này theo quy định; Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước mỏ và thường xuyên nạo vét, gia cố; Thu gom, xử lý toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án theo đúng phương án đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo xử lý nước thải tháo khô mỏ đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B với hệ số $K_q$= 0,9; $K_f$=1,1) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (nhánh suối nhỏ của suối Ea Bông);

6.7. Tăng cường việc theo dõi, giám sát đối với khu vực khai trường và bãi thải tạm, bảo đảm không để xảy ra sạt lở, sụt lún hoặc các tác động khác gây ô nhiễm môi trường; Thực hiện nghiêm biện pháp tưới nước, phun nước để giảm thiểu bụi tại các tuyến đường ra vào mỏ.

6.8. Tuân thủ các quy định về kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường, rủi ro có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định; Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng sạt lở bờ mỏ, moong khai thác, bãi thải hoặc có bất kỳ sự cố môi trường nào xảy ra, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động khai thác, báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức có liên quan để phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản; đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

6.10. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường; công tác cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường, việc thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.11. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu có sự thay đổi liên quan đến công trình bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền để kịp thời xem xét, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.